

<p>- GV chuyển ý vào bài mới</p>	<p>chỗ</p>
<p><b>2. Hoạt động thực hành (30p)</b>  <b>* Mục tiêu:</b>  - Đọc, viết được một số số đến lớp triệu  - Bước đầu nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số  <b>* Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b>  - Gọi Hs nêu yêu cầu.  + <i>Nêu tên các hàng đã học theo thứ tự từ bé đến lớn?</i></p> <p>- Gv nhận xét, chốt cách đọc số</p> <p><b>Bài 2:</b> Đọc các số sau.  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi Truyền điện</p> <p>- GV nhận xét, chốt lại cách đọc số</p> <p><b>Bài 3a,b,c (HSNK làm cả bài):</b> Viết các số sau.  - Cho HS làm cá nhân – Yêu cầu đổi chéo vở KT</p> <p>- Gv nhận xét, chốt cách viết số</p> <p><b>Bài 4:</b> Nêu giá trị của chữ số 5 trong</p>	<p style="text-align: center;"><b>Cá nhân – Lớp</b></p> <p>- 1 hs đọc đề bài  + Đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn, trăm nghìn, triệu, chục triệu, trăm triệu.  - HS chia sẻ kết quả:  + 403 210 715: bốn trăm linh ba triệu hai trăm mười nghìn bảy trăm mười lăm  + 850 304 900</p> <p style="text-align: center;"><b>Cá nhân – Lớp</b></p> <p>- 1 hs đọc đề bài.  - Hs tham gia trò chơi  <b>* Đáp án:</b>  + 32 640 507: Ba mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm linh bảy.  + 8 500 658: Tám triệu năm trăm nghìn sáu trăm năm mươi tám.  + 830 402 960: Tám trăm ba mươi triệu bốn trăm linh hai nghìn chín trăm sáu mươi.  + 85 000 120: Tám mươi lăm triệu không trăm linh không nghìn một trăm hai mươi.  (Tám mươi lăm triệu không nghìn một trăm hai mươi)  + 178 320 005: Một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn không trăm linh năm.  + 1 000 001: Một triệu không nghìn không trăm linh một.</p> <p style="text-align: center;"><b>Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp</b></p> <p>- 1 hs đọc đề bài.  - Hs viết vào vở - Đổi vở KT chéo  a. 613 000 000      b. 131 405 000  c. 512 326 103      d. 86 004 702  e. 800 004 720</p> <p style="text-align: center;"><b>Cá nhân – Lớp</b></p>

<p>mỗi số</p> <p>- Chữa bài, nhận xét. + <i>Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc điều gì?</i></p> <p><b>3. Hoạt động ứng dụng (1p)</b></p> <p><b>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</b></p>	<p>- HS đọc đề bài. - HS làm bài cá nhân – Chia sẻ lớp</p> <p>a. Chữ số 5 thuộc hàng nghìn nên có giá trị là 500 000 b. Chữ số 5 thuộc hàng nghìn nên có giá trị là 5 000. c. Chữ số 5 thuộc hàng trăm nên có giá trị là 500.</p> <p>+ <i>Phụ thuộc vào vị trí của chữ số trong số đó</i></p> <p>- VN tiếp tục thực hành đọc, viết số đến lớp triệu - Vn tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải</p>
---	--

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.....

.....

.....

.....

**LỊCH SỬ (VNEN)**

**BUỔI ĐẦU DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC (T1)**

.....

.....

.....

.....

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**NƯỚC VĂN LANG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số sự kiện về nhà nước Văn Lang: thời gian ra đời, những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ:
- Biết các tầng lớp của xã hội Văn Lang: Nô tì, Lạc dân, Lạc tướng, Lạc hầu, ...
- Biết những tục lệ nào của người Lạc Việt còn tồn tại đến ngày nay: đua thuyền, đấu vật, ...

**2. Kỹ năng**

- Xác định trên lược đồ những khu vực mà người Lạc Việt đã từng sinh sống.



### 3. Thái độ

- HS có tinh thần học tập nghiêm túc, tôn trọng lịch sử

### 4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

## II. CHUẨN BI:

### 1. Đồ dùng

- GV: Hình trong SGK phóng to, phiếu học tập của HS, phóng to lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

- HS: SGK.

### 2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><b>1. Khởi động: (3p)</b></p> <p>+ <i>Nêu các bước sử dụng bản đồ?</i></p> <p>- GV nhận xét, khen/ động viên.</p>	<p>- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.</p> <p>+ <i>Đọc tên bản đồ, xem bảng chú giải, tìm đối tượng lịch sử...</i></p>
<p><b>2. Bài mới: (30p)</b></p> <p><b>* Mục tiêu</b></p> <p>- Nắm được một số sự kiện về nhà nước Văn Lang: thời gian ra đời, những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ:</p> <p>- Biết các tầng lớp của xã hội Văn Lang: Nô tì, Lạc dân, Lạc tướng, Lạc hầu, ...</p> <p>- Biết những tục lệ nào của người Lạc Việt còn tồn tại đến ngày nay: đua thuyền, đấu vật, ...</p> <p><b>* Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>HD1: Sự ra đời của nhà nước Văn Lang</b></p> <p>- GV treo lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ và vẽ trục thời gian lên bảng (GV giới thiệu trục thời gian).</p> <p>- Yêu cầu HS dựa vào trong SGK và lược đồ, tranh ảnh, xác định địa phận của nước Văn Lang và kinh đô Văn Lang trên bản đồ; xác định thời điểm ra đời trên trục thời gian.</p> <p>+ <i>Nhà nước đầu tiên của người Lạc Việt có tên là gì?</i></p> <p>+ <i>Nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào?</i></p> <p>+ <i>Cho HS lên bảng xác định thời điểm ra đời của nước Văn Lang.</i></p> <p>+ <i>Nước Văn Lang được hình thành ở khu</i></p>	<p><b>Cá nhân – Lớp</b></p> <p>- HS quan sát</p> <p>- HS quan sát và xác định địa phận và kinh đô của nước Văn Lang; xác định thời điểm ra đời của nước Văn Lang trên trục thời gian.</p> <p>+ <i>Nước Văn Lang.</i></p> <p>+ <i>Khoảng 700 năm trước.</i></p> <p>+ <i>1 HS lên xác định.</i></p> <p>+ <i>Ở khu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả.</i></p>

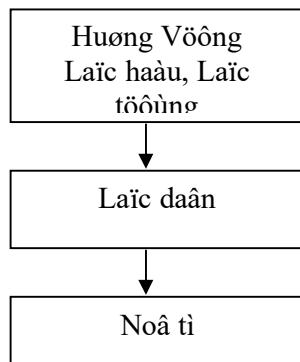
vực nào?

- Cho HS lên chỉ lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay khu vực hình thành của nước Văn Lang.

- GV nhận xét và sửa chữa và kết luận.

**\*Hoạt động 2: Các tầng lớp trong XH**  
(phát phiếu học tập)

- GV đưa ra khung sơ đồ (để trống chưa điền nội dung)



+ Xã hội Văn Lang có mấy tầng lớp?

+ Người đứng đầu trong nhà nước Văn Lang là ai?

- GV: Lạc tướng và lạc hầu, họ giúp vua cai quản đất nước. Dân thường gọi là lạc dân. nô tì là người hầu hạ các gia đình người giàu PK.

**\* Hoạt động 3: Đời sống vật chất và tinh thần của người Lạc Việt:**

- GV đưa ra khung bảng thống kê còn trống phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của người Lạc Việt.

Sản xuất	Ăn, uống	Mặc và trang điểm	Ở	Lễ hội
- Lúa -Khoai -Cây ăn quả	- Cơm, xôi - Bánh chung	Phụ nữ dùng...	-Nhà sàn -Quây ...	- Vui chơi nhảy ...

- GV nhận xét và bổ sung.

**3. Hoạt động ứng dụng (1p).**

- 2 HS lên chỉ lược đồ.

### Nhóm 2 – Lớp

- HS thảo luận nhóm 2, đọc SGK và điền vào sơ đồ các tầng lớp: Vua, Lạc hầu, Lạc tướng, Lạc dân, nô tì sao cho phù hợp như trên bảng.

+ Có 4 tầng lớp, đó là vua, lạc tướng và lạc hầu, lạc dân, nô tì.

+ Là vua, gọi là Hùng Vương.

- HS lắng nghe

### Nhóm 4 – Lớp

- HS thảo luận theo nhóm 4.

- HS đọc và xem kênh chữ, kênh hình điền vào chỗ trống.

- Một số HS đại diện nhóm trả lời.

- Cả lớp bổ sung.

- Vài HS mô tả bằng lời của mình về đời sống của người Lạc Việt.

- Tìm hiểu về các tập tục của người Lạc Việt còn gìn giữ tại địa phương em

<b>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</b>	- Tìm hiểu về ngày Giỗ tổ Hùng Vương và các hoạt động của ngày giỗ tổ
-----------------------------------	---

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

.....

.....

.....

**Thứ tư ngày 20 tháng 9 năm 2018**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**  
**TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được sự khác nhau giữa tiếng và từ, phân biệt được từ đơn và từ phức (ND ghi nhớ).

**2. Kỹ năng**

- Nhận biết được từ đơn, từ phức trong đoạn thơ (BT1, mục III) ; bước đầu làm quen với từ điển (hoặc sổ tay từ ngữ) để tìm hiểu về từ (BT2, BT3).

**3. Thái độ**

- HS có ý thức học tập chăm chỉ, tích cực

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, từ điển

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>
<b>1. Khởi động (3p)</b>  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
<b>2. Hình thành kiến thức mới.(12p)</b> * <b>Mục tiêu:</b> HS hiểu được sự khác nhau giữa tiếng và từ, từ đơn, từ phức. * <b>Cách tiến hành:</b> <b>Hoạt động cả lớp</b>	
<b>a. Nhận xét</b> - GV ghi ví dụ lên bảng: Nhờ bạn giúp đỡ, lại có chí học hành, nhiều năm liền Hạnh là học sinh tiến tiến.	- 2 HS đọc thành tiếng yêu cầu

+ Câu có bao nhiêu tiếng?

+ Mỗi từ được phân cách bằng một dấu gạch chéo. Câu văn có bao nhiêu từ?  
+ Hãy chia các từ trên thành hai loại:  
Từ đơn (từ gồm một tiếng) và Từ phức (Từ gồm nhiều tiếng)

- Chốt lại lời giải đúng.

+ Thế nào là từ đơn? Thế nào là từ phức?

+ Từ gồm có mấy tiếng?

+ Tiếng dùng để làm gì?

+ Từ dùng để làm gì?

**b. Ghi nhớ:**

+ Câu có 18 tiếng

- HS dùng gạch xiên tách các từ trong câu (như SGK)

Nhờ / bạn / giúp đỡ / lại / có / chí / học hành / nhiều / năm / liền / Hanh / là / học sinh / tiến tiến

+ Câu văn có 14 từ.

- Nhận bảng nhóm và hoàn thành bài tập theo nhóm 2 – Chia sẻ lớp

Từ đơn (từ gồm một tiếng)	Từ phức (từ gồm nhiều tiếng)
nhờ, bạn, lại, có, chí, nhiều, năm, liền, Hanh, là	giúp đỡ, học hành, học sinh, tiến tiến

+ Từ đơn là từ gồm có 1 tiếng, từ phức là từ gồm có hai hay nhiều tiếng.

+ Từ gồm một tiếng hoặc nhiều tiếng.

+ Tiếng dùng để cấu tạo nên từ. Một tiếng tạo nên từ đơn, hai tiếng trở lên tạo nên từ phức.

+ Từ dùng để đặt câu.

- 2 hs đọc ghi nhớ.

- HS lấy VD về từ đơn, từ phức

### 3. Hoạt động thực hành: (18p)

\* **Mục tiêu:** HS nhận biết được từ đơn, từ phức trong đoạn thơ, làm quen với từ điển để giải nghĩa từ.

\* **Cách tiến hành:** Cá nhân-Nhóm-Cả lớp

**Bài 1:** Dùng dấu gạch chéo để phân cách các từ.

- Tổ chức cho hs làm bài cá nhân.

- Yêu cầu đổi chéo KT

- Chữa bài, nhận xét, chốt lại cấu tạo từ đơn, từ phức.

**Bài 2:** Tìm trong từ điển:

- Tổ chức cho hs mở từ điển tìm từ theo yêu cầu.

#### Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp

- Hs đọc đề bài.

- Hs làm bài cá nhân – Trao đổi chéo

- Hs thống nhất kết quả

Rất / công bằng/ rất/ thông minh

Vừa / độ lượng/ lại/ đa tình / đa mang.

#### Cá nhân – Lớp

- 1 hs đọc đề bài.

- Hs tìm cá nhân – Chia sẻ lớp

Từ đơn	Từ phức
buồn, đằm, hũ,	hung dữ, anh

<p>- Gv nhận xét, chữa bài.  <b>Bài 3:</b> Đặt câu.  - Tổ chức cho hs làm bài vào vở.</p> <p>- Gv nhận xét, chữa bài. lưu ý hình thức và nội dung của câu  <b>4. Hoạt động ứng dụng (1p)</b>  <b>5. Hoạt động sáng tạo (1p)</b></p>	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="828 128 1112 220">mía ...</td> <td data-bbox="1112 128 1421 220">dũng, bản khoản</td> </tr> </table> <p>- 1 hs đọc đề bài.  - Hs đặt câu, nêu miệng kết quả câu vừa đặt được.  - HS viết câu vào vở</p> <p>- Ghi nhớ cấu tạo của từ đơn, từ phức  - Xác định từ đơn và từ phức trong câu vừa đặt ở BT 3</p>	mía ...	dũng, bản khoản
mía ...	dũng, bản khoản		

## ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

## TOÁN

### *Tiết 13: LUYỆN TẬP*

#### I. MỤC TIÊU:

##### **1. Kiến thức**

- Đọc, viết thành thạo số đến lớp triệu .
- Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.

##### **2. Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng đọc, viết số đến lớp triệu

##### **3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

##### **4. Góp phần phát triển các kỹ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1: chỉ nêu giá trị chữ số 3 trong mỗi số, bài 2(a, b), bài 3 (a), bài 4

#### II. CHUẨN BỊ:

##### **1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ kẻ nội dung bài 3, 4
- HS: SGK, bút

##### **2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.
- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. HĐ khởi động (3p)</b>	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại

<p>- GV dẫn vào bài</p>	<p>chỗ</p>
<p><b>2. Hoạt động thực hành (30p)</b>  <b>* Mục tiêu:</b>  - Đọc, viết thành thạo số đến lớp triệu .  - Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.  <b>* Cách tiến hành</b></p>	
<p><b>Bài 1</b>  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân, nêu giá trị của chữ số 3 trong mỗi số (HS nào xong nêu cả giá trị của chữ số 5)</p> <p>- GV chữa bài, chốt lại giá trị của chữ số 3 trong từng số</p> <p><b>Bài 2a, b (HSNK làm cả bài):</b>  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2.</p> <p>- GV nhận xét và đánh giá, chốt cách viết số</p> <p><b>Bài 3a: (HSNK làm cả bài)</b>  - Yêu cầu HS làm nhóm.</p>	<p><b>Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp.</b>  - HS nêu yêu cầu bài toán.  - HS làm cá nhân  - HS đọc các số - Chia sẻ lớp</p> <p><b>* Đáp án:</b>  a. 35 627 449: Ba mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm bốn mươi chín; chữ số 3 thuộc hàng chục triệu, lớp triệu.  b. 123 456 789: Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm tám chín; chữ số 3 thuộc hàng triệu lớp triệu.  c. 82 175 263: Tám mươi hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi ba; chữ số 3 thuộc hàng đơn vị lớp đơn vị.  d. 850 003 002: Tám trăm năm mươi triệu không trăm linh ba nghìn không trăm linh hai, chữ số 3 thuộc hàng nghìn, lớp nghìn.</p> <p><b>Nhóm 2 – Lớp</b>  - HS đọc yêu cầu của bài tập.  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp</p> <p><b>* Đáp án:</b>  a. 5 760 342;  b. 5 706 342;  c. 50 076 342  d. 57 634 002</p> <p><b>Cá nhân – Lớp</b>  - HS đọc yêu cầu của bài tập.  - Làm việc cá nhân.  - Chia sẻ kết quả:  a) Nước có dân số nhiều nhất là Ấn Độ; Nước có dân ít nhất là Lào.</p>



+ Làm thế nào em trả lời được các câu hỏi?

**Bài 4** (giới thiệu lớp tỉ)

- GV nêu vấn đề: Bạn nào có thể viết được số 1 nghìn triệu?

- GV thống nhất cách viết đúng là 1 000 000 000 và giới thiệu: Một nghìn triệu được gọi là 1 tỉ.

+ Số 1 tỉ có mấy chữ số, đó là những chữ số nào?

- Nhận xét, chốt cách đọc, viết số đến lớp tỉ

**Bài 5** (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)

- GV kiểm tra từng HS

**4. Hoạt động ứng dụng** (1p)

**5. Hoạt động sáng tạo** (1p)

b) Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Ấn Độ?

+ Tiến hành so sánh các số có nhiều chữ số

**Cá nhân – Lớp**

- S nêu yêu cầu của bài.

- 3 đến 4 HS lên bảng viết, HS cả lớp viết vào giấy nháp.

- HS đọc số: 1 tỉ.

+ Số 1 tỉ có 10 chữ số, đó là 1 chữ số 1 và 9 chữ số 0 đứng bên phải số 1.

- HS hoàn thành bài tập và chia sẻ kết quả:

Viết	Đọc
1 000 000 000	Một nghìn triệu hay một tỉ
5 000 000 000	Năm nghìn triệu hay năm tỉ
315000000000	Ba trăm mười lăm nghìn triệu hay ba trăm năm mươi lăm tỉ
3 000 000 000	Ba nghìn triệu hay ba tỉ

- HS làm và báo cáo kết quả

- Ghi nhớ các KT trong tiết học

- Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

.....

.....

.....

.....

**ĐẠO ĐỨC**  
**VƯỢT KHÓ TRONG HỌC TẬP (Tiết 1)**

**LMỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thế nào là vượt khó trong học tập và vì sao phải vượt khó trong học tập.
- Biết được vượt khó trong học tập giúp em học tập mau tiến bộ.

## 2. Kỹ năng

- Chọn lựa, phân biệt được hành vi thể hiện tinh thần vượt khó trong học tập

## 3. Thái độ

- Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập.

## 4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

**\*KNS:** - *Lập kế hoạch vượt khó trong học tập*

- *Tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ của thầy cô, bạn bè khi gặp khó khăn trong học tập*

## II. CHUẨN BI:

### 1. Đồ dùng

- GV: + Tranh minh hoạ  
+ Các mẫu chuyện, tấm gương vượt khó trong học tập

- HS: SGK

### 2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.
- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động:</b> (5p) + Gọi Hs kể một mẫu chuyện, tấm gương về trung thực trong học tập - GV kết nối bài học</p>	- 1 HS kể
<p><b>2. Tìm hiểu bài</b> (28p) <b>* Mục tiêu:</b> Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình. <b>* Cách tiến hành:</b> Cá nhân-Nhóm-Lớp <b>* HD1: Kể chuyện Một học sinh nghèo vượt khó.</b> - GV giới thiệu: Trong cuộc sống ai cũng có thể gặp những khó khăn rủi ro. Chúng ta hãy xem bạn Thảo trong chuyện <i>Một học sinh nghèo vượt khó</i> gặp những khó khăn gì và đã vượt qua như thế nào? - GV kể chuyện. <b>* HD 2: Thảo luận nhóm</b> (Câu 1 và 2, 3- SGK trang 6): - GV chia lớp theo nhóm 4 + <i>Thảo đã gặp khó khăn gì trong học tập và trong cuộc sống hằng ngày?</i></p>	<p><b>Cá nhân – Nhóm 4 - Lớp</b></p> <p>- Cả lớp nghe. 1- 2 HS tóm tắt lại câu chuyện.</p> <p>- Các nhóm thảo luận – Chia sẻ lớp + <i>Thảo gặp những khó khăn trong học tập và trong cuộc sống là:</i></p>